

15

HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN
KHOA XUẤT BẢN

*

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

Tên học phần bằng tiếng Việt: TIẾNG VIỆT THỰC HÀNH

Tên học phần bằng tiếng Anh: Practical Vietnamese

Mã học phần: **XB40101**

Loại môn học: *Cơ bản*

Số tín chỉ: 02 tín chỉ (trong đó: 0,5 TC lý thuyết, 1,25 TC thực hành, 0,25 TC tự học).

Số tiết học: 67,5 tiết (trong đó: 7,5 tiết lý thuyết, 37,5 tiết thực hành, 22,5 tiết tự học).

Số tiết học cá nhân: 32,5 tiết.

Loại học phần: *Tự chọn*

Nơi tiến hành môn học: Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Thời gian học: Học kỳ 2

Môn học tiên quyết: *Không*

Các yêu cầu khác đối với học phần: Lớp học trang bị máy chiếu, màn hình, loa, micro trợ giảng; thư viện có đầy đủ học liệu liên quan đến học phần.

Bộ môn/Khoa phụ trách: Khoa Xuất bản

Văn phòng khoa: Phòng 801 Nhà A1, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Người phụ trách: TS. Vũ Thuỳ Dương

Điện thoại, email: 0988793334; Email: vuthuyduong@ajc.edu.vn

Các giảng viên tham gia giảng dạy:

- TS. Hà Văn Hậu; Điện thoại, email: 0913556399;

Email: havanhau2008@gmail.com

- TS. Đặng Mỹ Hạnh, số điện thoại: 0983968769;

Email: dangmyhanhajc@gmail.com

- TS. Trần Thị Hồng Hoa, số điện thoại: 0912273967;

Email: honghoa6067@gmail.com

- TS. Phạm Thị Thùy Linh, số điện thoại: 0989502045;

Email: thuylinh.hnue@gmail.com

2. Mục tiêu của học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ có kiến thức cơ bản về ngôn ngữ - tiếng Việt nói chung và kỹ năng nói/ viết tiếng Việt trong lĩnh vực báo chí truyền thông, xuất bản và lý luận chính trị nói chung và trong từng chuyên ngành nói riêng; kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, kỹ năng khai thác vốn từ vựng tiếng Việt trong giao tiếp và công việc, kỹ năng sử dụng sáng tạo ngôn ngữ/ văn bản; thái độ, tình cảm quý trọng đối với tiếng nói, ngôn ngữ quốc gia.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- *Kiến thức*: Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về ngôn ngữ tiếng Việt nói chung và kỹ năng nói/ viết tiếng Việt trong lĩnh vực báo chí truyền thông, xuất bản và lý luận chính trị nói chung và trong từng chuyên ngành nói riêng.

- *Kỹ năng*: Học phần hình thành cho sinh viên kỹ năng sử dụng ngôn ngữ; kỹ năng khai thác từ ngữ dân tộc trong giao tiếp và công việc; kỹ năng sáng tạo ngôn ngữ/ văn bản.

- *Mức tự chủ và trách nhiệm*: Học phần giúp sinh viên rèn luyện thái độ nghiêm túc, chủ động; ý thức giữ gìn sự trong sáng của ngôn ngữ quốc gia.

3. Chuẩn đầu ra học phần

STT	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp dạy - học	Hình thức KTĐG
CLO1	Trình bày được bản chất, các khái niệm và các nguyên tắc cơ bản về văn bản, chủ đề, đoạn văn, lập luận, từ, câu, chính tả; các cách phân loại lập luận, từ, câu; bản chất và nguyên tắc chữa lỗi về ngôn ngữ ở các cấp độ khác nhau (từ, câu, đoạn văn) với các mức độ/ yêu cầu sửa, chữa lỗi về ngôn từ khác nhau.	- Phương pháp thuyết trình, giảng lý thuyết - Phương pháp vấn đáp	- Điểm danh chuyên cần. - Kiểm tra bài tập về nhà.
CLO2	Hiểu được kiến thức về từ, câu, văn bản để chỉnh sửa lỗi cho văn bản ở các cấp độ ngôn ngữ và chữa lỗi ở các loại hình văn bản khác nhau.		- Hỏi - đáp, quan sát các hoạt động học tập của

CLO3	Vận dụng được kiến thức ngôn ngữ lập đề cương cho văn bản; hoàn thiện văn bản; kỹ năng sửa, chữa lỗi ngôn ngữ; kỹ năng sửa và hoàn thiện phương diện ngôn ngữ cho các loại văn bản.	- Phương pháp làm việc, thảo luận nhóm; - Nghiên cứu tài liệu; Ghi chép; Đặt câu hỏi phản biện,...	sinh viên, tự học, tự nghiên cứu. - Bài tập nhóm (Khảo sát các hiện tượng sử dụng tiếng Việt) - Thi viết (tự luận)
CLO4	So sánh và phân biệt được sự khác biệt trong giao tiếp bằng ngôn ngữ nói/ đời thường và ngôn ngữ viết/ thành văn để có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình khi làm việc		
CLO5	Có năng lực tự chủ, tư duy độc lập, có trách nhiệm và trung thực; hợp tác trong làm việc nhóm; có ý thức tôn trọng, giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt.	- Tự học, tự nghiên cứu.	

4. Nội dung học phần và lịch trình giảng dạy

TT	Tuần	Nội dung	Số tiết					Tự học	CDR học phần (CLOs)
			Lý thuyết		Thực hành				
			Trực tiếp	Trực tuyến	Tại phòng lý thuyết	Tại phòng thực hành	Thực địa/ trực tuyến		
1	1	Chương 1: Ngữ âm, chính tả và sự chuẩn hóa trong tiếng Việt	2		5,5			5	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5
		1.1.Những vấn đề cơ bản về ngữ âm và kỹ năng phát âm 1.2. Những vấn đề cơ bản về chữ viết, chính tả và kỹ năng							

		viết đúng chính tả. 1.3. Một số vấn đề chung về sự trong sáng của tiếng Việt, sự thiếu chuẩn mực khi sử dụng. 1.4. Kỹ năng sửa sai phát âm, sai chính tả 1.5. Một số dạng bài tập thực hành.							
2	2 - 3	Chương 2: Từ vựng tiếng Việt và kỹ năng dùng từ	1,5		8,5			5	CLO2
		2.1. Những vấn đề cơ bản về từ vựng tiếng Việt 2.2. Kỹ năng dùng từ tiếng Việt 2.3. Kỹ năng sửa chữa từ dùng sai 2.4. Một số dạng bài tập thực hành							
3	4 - 5	Chương 3: Ngữ pháp tiếng Việt và kỹ năng đặt câu	1,5		8,5			5	CLO3 CLO5
		3.1. Những vấn đề cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt							

		3.2. Kỹ năng tạo câu tiếng Việt 3.3. Kỹ năng sửa câu tiếng Việt 3.4. Một số dạng bài tập thực hành.							
4	6 – 7 - 8	Chương 4: Văn bản và kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản tiếng Việt	2,0		5,5		5	7,5	CLO3 CLO5
		4.1. Những vấn đề cơ bản về đoạn văn, văn bản tiếng Việt 4.2. Kỹ năng dựng đoạn văn 4.3. Kỹ năng phân tích và sửa đoạn văn, văn bản 4.4. Một số vấn đề chung về ngữ dụng học và kỹ năng vận dụng ngữ dụng học. 4.5. Một số dạng bài tập thực hành.							
5	9	Tổng kết, ôn tập	0,5		4,5				

5. Ma trận liên kết giữa nội dung chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

CLOs	PLOs														
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
CLO1				5				4					3		
CLO2				5				4					3		
CLO3				5				4					3		
CLO4				5				4					3		
CLO5				5				4					3		
Tổng hợp học phần				5				4					3		

6. Phương pháp dạy

Ma trận giữa phương pháp dạy với chuẩn đầu ra của học phần

Phương pháp dạy	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Phương pháp thuyết trình	x	x	x	x	x
PP dạy học thông qua vấn đề, tình huống			x	x	x
Phương pháp vấn đáp	x	x	x	x	x
Phương pháp thảo luận nhóm			x	x	x
Phương pháp nghiên cứu thực tế	x	x	x	x	x

7. Phương pháp học

Ma trận giữa phương pháp học với chuẩn đầu ra của học phần:

Phương pháp học	CLOs				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Nghiên cứu tài liệu	x	x	x	x	x
Ghi chép, tổng hợp, phân tích	x	x	x		
Thảo luận, làm việc nhóm			x	x	x

Phỏng vấn nhanh	X	X	X	X	X
Ghi nhớ chủ động	X	X	X		
Đặt câu hỏi phản biện	X	X	X	X	X
Lập sơ đồ tư duy, so sánh,	X	X	X		
Học qua trải nghiệm	X	X	X	X	X
Thực hành	X	X	X	X	X

8. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

- Quy định về kiểm tra, đánh giá/ thi kết thúc học phần

T	T	Tên học phần	Trực tiếp							Trực tuyến (tối đa 30%)								
			Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận + Trắc nghiệm	Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp	Vấn đáp	Tiểu luận	Bài tập lớn	Tác phẩm
1		Tiếng Việt thực hành	x							x								

- Quy định về trọng số điểm; về hình thức thi/kiểm tra, đánh giá,....

Thành phần đánh giá	Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Trọng số
Đánh giá quá trình và giờ tự học	Điểm danh chuyên cần, kiểm tra bài tập về nhà, hỏi - đáp, quan sát, kiểm tra các hoạt động học tập, tự học, tự nghiên cứu của sinh viên	20%
Đánh giá giữa kỳ và giờ tự học	Bài tập nhóm (Khảo sát các hiện tượng sử dụng tiếng Việt); hoặc làm bài kiểm tra.	30%
Đánh giá cuối kỳ	Thi viết (tự luận)	50%

9. Nhiệm vụ của sinh viên

9.1. Yêu cầu chung

- Giờ lý thuyết: Sinh viên đi học đầy đủ, tích cực tham gia các hoạt động học tập, chuẩn bị bài, làm bài tập về nhà.
- Giờ thực hành: Tham gia tích cực, có thái độ hợp tác, có trách nhiệm, có kỹ năng làm việc nhóm.
- Giờ tự học: Có thái độ trung thực, có trách nhiệm; có ý thức tự học, tự nghiên cứu.

9.2. Yêu cầu đối với bài tập nhóm

- *Yêu cầu:* Sinh viên thuyết trình theo nhóm (5-7 sinh viên) về kết quả khảo sát các hiện tượng sử dụng tiếng Việt hiện nay.
 - + Miêu tả, phân tích được các hiện tượng sử dụng tiếng Việt đã khảo sát.
 - + Sử dụng lập luận để phân tích nguyên nhân và các yếu tố tác động vào cách sử dụng ngôn ngữ (theo khảo sát); đề xuất các cách hợp lý khi sử dụng tiếng Việt - cách của “người dùng” (Với các trường hợp chưa được thống nhất về quan điểm của các nhà nghiên cứu)
- *Tiêu chí đánh giá:*
 - + Hiểu yêu cầu của chủ đề.
 - + Khả năng giải quyết chủ đề: Sinh viên thuyết trình theo nhóm kết quả khảo sát đề tài. Lập luận phân tích nguyên nhân và các yếu tố tác động đến cách dùng tiếng Việt.
 - + Kiến thức: ghi nhớ chính xác lý thuyết và hiểu biết các vấn đề thực tiễn liên quan đến chủ đề.
 - + Khả năng sáng tạo: khả năng sáng tạo ý tưởng phục vụ thuyết trình.
 - + Khả năng giao tiếp: khả năng truyền tải thông điệp hiệu quả từ sử dụng ngôn ngữ nói và văn bản chuẩn bị thuyết trình; khả năng tương tác với giảng viên và những nhóm còn lại.
 - + Khả năng làm việc nhóm và làm việc độc lập.
 - + Thái độ làm việc: Thể hiện nỗ lực và sự tham gia tích cực trong hoạt động.

10. Học liệu tham khảo

10.1. Học liệu bắt buộc

1. Hoàng Anh (chủ biên), Phạm Văn Thấu, *Tiếng Việt thực hành*, NXB Chính trị - Hành chính, H.2010.
2. Đặng Thị Hào Tâm (chủ biên), *Giáo trình tiếng Việt thực hành*, NXB ĐHSP, H. 2022.

10.2. Học liệu tham khảo

1. Lã Thị Bắc Lý, Phan Thị Hồng Xuân, Nguyễn Thị Thu Nga, *Giáo trình Tiếng Việt và Tiếng Việt thực hành*, NXB ĐHSP, H.2017.
2. Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên), Nguyễn Văn Hiệp, *Tiếng Việt thực hành*, NXB ĐHQG HN, H.2001.
3. Hoàng Kim Ngọc (chủ biên), *Giáo trình tiếng Việt thực hành*, NXB ĐHQG, H, 2021.



GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Phạm Minh Sơn

TRƯỞNG KHOA

TS. Vũ Thùy Dương

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TS. Hà Văn Hậu